

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2018/HS-ST**.
Ngày: 02 - 03 - 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Ngọc Trí; nghề nghiệp: Hiệu trưởng Trường Trung Học Phổ Thông Tánh Linh.

- Bà Bùi Thị Luyện; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Lắm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2018, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2018/TLST-HS, ngày 19 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS, ngày 22/02/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T (tên gọi khác: T Tàn)**, sinh ngày 03/4/2000 tại Bình Thuận; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố 8, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp ổn định; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M, sinh năm 1973 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1980; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 26/12/2017 tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T cho đến nay: Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (là mẹ ruột của bị cáo): Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Quốc P - là Luật sư, công tác tại Văn phòng luật sư Q, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đặng Kim Qu, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 3 - xã H - huyện T - Bình Thuận: Vắng mặt.

- Anh Huỳnh Thanh H, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn 3 - xã Đ - huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Tổng Trần Qu, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 4 - xã N - huyện T - Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21h30, ngày 25/12/2016 một người tên là P (không rõ cụ thể họ tên, địa chỉ) điện thoại cho Phạm Văn T nói: “Lên ngã tư chùa V gặp anh, anh có tý chuyện nhờ”. Phạm Văn T điều khiển xe mô tô 60R1 - 2069 đi gặp P. Tại đây, P nói: “Em cầm chai nước khoáng đựng xăng, 01 bịch ma túy đá chạy xuống nghĩa địa NĐ giao cho một thanh niên lấy 1.000.000đ” và nói P sẽ trả tiền công cho T là 100.000đ thì T đồng ý.

Đến khoảng 22h30 cùng ngày, Phạm Văn T đi đến khu vực nghĩa địa xã NĐ huyện Tánh Linh. Tại đây, sau khi Đặng Kim Qu đưa 1.000.000đ và Phạm Văn T giao trọng lượng 0,2278 gam methamphetamine cho Đặng Kim Qu và Nguyễn Thanh H thì bị bắt quả tang.

Tại cáo trạng số 05/QĐ/KSĐT/VKS – HS, ngày 18 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận khẳng định Cáo trạng truy tố đối với Phạm Văn T là có căn cứ; đúng người đúng tội và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị xem xét áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 69 của Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo Phạm Văn T với mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị xem xét áp dụng tịch thu sung công quỹ số tiền 1.000.000đ và 01 điện thoại di động Nokia 105 của bị cáo Phạm Văn T. Tịch thu tiêu hủy 01 ống thủy tinh (dụng cụ để sử dụng ma túy) và 0,0829 gam Methamphetamine. Trả lại cho Phạm Văn T số tiền 23.000đ.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến tranh luận: Thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố đối với bị cáo Phạm

Văn T. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xét xem xét đến hoàn cảnh phạm tội của bị cáo Phạm Văn T vì muốn kiếm tiền phụ giúp gia đình mà bị cáo đồng ý đi giao ma túy để nhận tiền công là 100.000đ. Do bị cáo có nhận thức khó khăn nên mới thực hiện hành vi này. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 21h30' ngày 25/12/2017, sau khi Phạm Văn T được một người tên là P (không rõ họ tên, địa chỉ) nhờ xuống khu vực nghĩa địa xã NĐ huyện Tánh Linh để giao ma túy cho Đặng Kim Qu và thỏa thuận sẽ trả cho Phạm Văn T tiền công là 100.000đ, T đồng ý. Sau khi, Phong đưa cho T một 01 gói bên trong có chứa ma túy và 01 chai xăng thì Phạm Văn T điều khiển xe mô tô biển số 60R1 - 2069 đến khu vực nghĩa địa xã NĐ. Tại đây, Phạm Văn T gặp Đặng Kim Qu và Huỳnh Thanh H đang đứng đợi, thì T đưa cho Qu chai nước khoáng có chứa xăng bên trong. Sau khi Qu đưa cho T số tiền 1.000.000đ, T lấy trong túi quần một gói bên trong có đựng ma túy đưa cho Qu thì bị lực lượng Công an phát hiện và bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định số: 837/KLGD - PC54, ngày 27/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận xác định: 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng bên trong được niêm phong có chữ ký của Phạm Văn T kết luận giám định xác định có khối lượng 0,2278 gam là Methamphetamine.

Như vậy, Phạm Văn T là người có năng lực trách nhiệm hình sự; thế nhưng đã có hành vi vận chuyển khối lượng 0,2278 gam ma túy đem bán cho Đặng Kim Qu với số tiền là 1.000.000đ. Cho nên, hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 của BLHS năm 1999 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2009) như Cáo trạng mà viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo nghiêm minh theo quy định của pháp luật để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Ngoài ra, tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, Phạm Văn T chưa đủ 18 tuổi. Cho nên, khi áp dụng hình phạt đối với Phạm Văn T cần áp dụng nguyên tắc xử lý

đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 69 BLHS năm 1999 là phù hợp.

Tại phần tranh luận, người bào chữa cho bị cáo - Luật sư Nguyễn Quốc P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 do bị cáo có nhận thức hạn chế khi thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Phạm Văn T có trình độ văn hóa 9/12; bị cáo có đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật và nguy hiểm cho xã hội. Do đó, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về vật chứng trong vụ án:

- Đối với vật chứng là khối lượng 0,0829gam methamphetamine sau khi giám định niêm phong trong phong bì số 837, có hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận và chữ ký Giám định viên Đinh Trung H; 01 ống thủy tinh (dụng cụ sử dụng ma túy). Xét thấy: Vật chứng này là vật cấm tàng trữ, lưu hành; vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Đối với vật chứng là 01 cái điện thoại di động Hiệu Nokia màu đen phím bấm cơ học kèm theo sim của bị cáo Phạm Văn T. Đây là công cụ, phương tiện mà Phạm Văn T dùng để phục vụ thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999.

- Đối với số tiền 1.000.000đ hiện đang nộp tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (giấy nộp tiền ngày 18/01/2017) đây là số tiền phạm tội mà có nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước là phù hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Đối với số tiền 23.000đ. Xét thấy: Số tiền này là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Phạm Văn T, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Phạm Văn T theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 BLHS năm 2015.

Tất cả vật chứng trên hiện nay đang thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/01/2018 - BL 129; Theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 18/01/2018 - BL 128).

Hiện đang thu giữ theo hồ sơ vụ án 01 giấy chứng minh nhân dân số 261561133, cấp ngày 14/04/2015 do Phạm Văn T đứng tên. Đây là giấy tờ cá nhân của Phạm Văn T nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[4] Về án phí:

Cần buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 69 và điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 - đã được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 37/2009/QH12 ngày 19/6/2009;

- Các điểm a,c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 136 BLTTHS năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam - Ngày 26/12/2017.

Về vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy khối lượng 0,0829gam methamphetamine sau khi giám định niêm phong trong phong bì số 837, có hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận và chữ ký Giám định viên Đinh Trung H; 01 ống thủy tinh (dụng cụ sử dụng ma túy).

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 cái điện thoại di động hiệu Nokia màu đen phím bấm cơ học kèm theo sim.

Tất cả vật chứng này hiện đang thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/01/2018)

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) hiện đang thu giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ở Kho bạc Nhà nước tại giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 18/01/2017.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T số tiền 23.000đ (hai mươi ba ngàn đồng) hiện đang thu giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ở Kho bạc Nhà nước tại giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 18/01/2017.

Trả lại 01 giấy chứng minh nhân dân số 261561133, cấp ngày 14/04/2015 do Phạm Văn T đứng tên (đang thu giữ theo hồ sơ vụ án).

Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ tiền án phí HS/ST sung công quỹ Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 02/3/2018. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo

bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- + Cấp theo Đ.262 BLTTHS:
- Bị cáo;
- VKSND huyện;
- CQCSĐT huyện;
- UBND **TT. V (thay TB)**;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- CC THA DS (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA, HS T.H.A.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến